

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022

Giữa: Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D. Sinh năm: 1992

Bị đơn: Anh Lê Văn H. Sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 6 điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/6/2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị D và anh Lê Văn H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Lê Văn H đều nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên thuận tình ly hôn.

\* Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

- Cháu Lê Văn Dương N, sinh ngày 26/12/2016
- Cháu Lê Thị Hoài T, sinh ngày 20/10/2018
- Cháu Lê Văn Dương P, sinh ngày 10/02/2021

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Văn Dương P, sinh ngày 10/02/2021. Anh Lê Văn H trực tiếp nuôi

đưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Lê Văn Dương N, sinh ngày 26/12/2016 và cháu Lê Thị Hoài T, sinh ngày 20/10/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

\* Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị Phạm Thị D chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0014256 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Phạm Thị D được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh T
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hằng**